

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2018/DS-ST

Ngày: 26-9-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/DSST ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2018/QĐXX- DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 320/2018/QĐST- DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T; Trụ sở : Số 89 đường L, phường H, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Ông D - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T; Địa chỉ chi nhánh: Tầng 3, số 296 đường P, phường F, quận P, Thành phố Hồ Chí M

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông H , sinh năm 1992 và ông D, sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: Tầng 3, số 296 đường P, Phường F, quận P, Thành phố Hồ Chí M; Theo văn bản ủy quyền số: 2240/2018//UQ-VPB ngày 02/02/2018 và số 15907/2018/UQ-VPB ngày 06/7/2018 (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà M, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 221/51 đường N, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí M (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 02/02/2018, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa, ông H và ông D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/12/2016, bà M có ký hợp đồng tín dụng số 20161230-006288 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (Gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 31.500.000 đồng, lãi suất trong hạn là 40%/năm; quá hạn là 60%/ năm, mục đích vay là để kinh doanh, thời hạn vay là 18 tháng.

Thực hiện hợp đồng bà M đã nhận đủ số tiền trên và đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T được 2 lần với số tiền 4.869.000 đồng (trong đó: Tiền gốc 2.619.367 đồng và tiền lãi 2.249.633 đồng). Bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà M thanh toán nhưng bà M không thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M trả khoản tiền bao gồm: Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 28.880.633 đồng và nợ lãi là 16.269.423 đồng. Phương thức thanh toán yêu cầu bà M thanh toán một lần số tiền là 45.150.056 đồng tính đến ngày 02/02/2018. Ngoài ra bà M phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 03/02/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngày 10/8/2018 ông D có bản tự khai yêu cầu bà M thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc: 28.880.633 đồng và nợ lãi là 24.478.759 đồng. Yêu cầu bà M thanh toán một lần số tiền là 53.359.392 đồng tính đến ngày 10/8/2018. Ngoài ra bà M phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 11/8/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập bà M đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà M không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác M nơi cư trú của bà M tại số 221/51 đường N, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí M được biết bà M hiện đang ngụ tại địa chỉ trên, do đó tòa án niêm yết cho bà M tại địa chỉ 221/51 đường N, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí M để xét xử vắng mặt bà M.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M không đến Tòa án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà M hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T do ông D là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Ông vẫn giữ yêu cầu buộc bà M thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc là: 28.880.633 đồng và nợ lãi là 24.478.759 đồng. Tổng cộng là 53.359.392 đồng tính đến ngày 10/8/2018. Yêu cầu bà M thanh toán một lần số tiền là 53.359.392 đồng. Ngoài ra bà M phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 11/8/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Bà M là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn . Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T khởi kiện bị đơn bà M về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20161230-006288 ngày 30/12/2016 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn có nơi cư trú tại số 221/51 đường N, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí M. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí M được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn bà M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 20161230-006288 ngày 30/12/2016 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T với bà M cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngay sau khi ký hợp đồng bà M đã nhận đủ tiền vay 31.500.000 đồng, tuy nhiên từ khi vay cho đến nay bà M mới trả được 2 lần với số tiền 4.869.000 đồng (trong đó gồm tiền gốc 2.619.367 đồng và tiền lãi 2.249.633 đồng).

Theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký bà M phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T trong thời hạn 18 tháng. Tuy nhiên sau

khi nhận đủ số tiền vay, bà M mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng 2 kỳ với tổng số tiền là 4.869.000 đồng trong đó gồm tiền gốc 2.619.367 đồng, như vậy bà M còn phải trả 28.880.633 đồng tiền nợ gốc. Bà M đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ trả nợ của bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn, vì vậy yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T buộc bà M phải trả số tiền nợ gốc là 28.880.633 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ Mục VIII của Hợp đồng tín dụng số 0161230-006288 đã ký ngày 30/12/2016 lãi suất các bên thỏa thuận là 40%/năm tương đương với 3,4%/tháng và lãi suất quá hạn là 60%/năm.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định "... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là lãi suất do các bên thỏa thuận. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn còn thiếu là 24.478.759 đồng đồng tính đến ngày 10/8/2018. Bà M tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 11/8/2018 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng số 0161230-006288 ngày 30/12/2016 mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử buộc bà M phải có trách nhiệm thanh toán thanh toán một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền là 53.359.392 đồng tính đến ngày 10/8/2018. Ngoài ra bà M phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo quy định tại hợp đồng 0161230-006288 ngày 30/12/2016, kể từ ngày 11/8/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 1.128.752 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 53.359.392 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 2.667.970 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở

nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 219, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 hướng dẫn quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 53.359.392(Năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi chín nghìn ba trăm chín mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 28.880.633 đồng và nợ lãi là 24.478.759 đồng, tính đến ngày 10/8/2018.

Bà M phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 11/8/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T theo quy định tại hợp đồng 0161230-006288 đã ký ngày 30/12/2016 .

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.667.970 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi) đồng.

Hoàn lại số tiền 1.128.752 đồng (Một triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T theo biên lai thu số AA/2017/0028907 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Tưởng Công Sơn**